

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11 - PHÒNG A2.1
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Đặng Hoàng Thái An	11B1	110001	
2	Dương Tuấn Anh	11B2	110002	
3	Lê Huỳnh Tuấn Anh	11B1	110003	
4	Nguyễn Tuấn Anh	11B2	110004	
5	Lê Thị Ngọc Ánh	11B2	110005	
6	Bùi Thanh Bình	11B2	110006	
7	Hồ Thái Bình	11B1	110007	
8	Hà Chí Dũng	11B1	110008	
9	Lê Hồng Ngọc Duyên	11B1	110009	
10	Phan Thị Kim Đào	11B1	110010	
11	Nguyễn Thành Đạt	11B2	110011	
12	Thân Nhân Đức	11B2	110012	
13	Đinh Thị Kiều Giang	11B1	110013	
14	Lê Thị Cẩm Giang	11B1	110014	
15	Quách Nguyệt Hà	11B1	110015	
16	Trần Thị Phước Hào	11B1	110016	
17	Nguyễn La Bích Hằng	11B2	110017	
18	Nguyễn Trọng Hiền	11B1	110018	
19	Nguyễn Ngọc Hiếu	11B2	110019	
20	Phạm Minh Hiếu	11B1	110020	
21	Tổng Minh Hiếu	11B2	110021	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11 - PHÒNG A2.2
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Nguyễn Thái Hoàng	11B1	110022	
2	Nguyễn Đoan Hồ	11B2	110023	
3	Nguyễn Bá Huy	11B1	110024	
4	Nguyễn Thị Ngọc Hương	11B1	110025	
5	Nguyễn Thị Trúc Hương	11B1	110026	
6	Nguyễn Thu Hương	11B2	110027	
7	Phạm Hồng Kha	11B1	110028	
8	Nguyễn Văn Khang	11B2	110029	
9	Nguyễn Tiến Khởi	11B1	110030	
10	Trần Ngọc Lâm	11B1	110031	
11	Dương Thị Thuỳ Linh	11B1	110032	
12	Nguyễn Vũ Linh	11B2	110033	
13	Nguyễn Thành Lợi	11B2	110034	
14	Nguyễn Thành Luân	11B2	110035	
15	Hồ Khánh Ly	11B2	110036	
16	Huỳnh Ngọc Mẫn	11B1	110037	
17	Nguyễn Hoàng Minh	11B1	110038	
18	Thạch Thị Trà My	11B2	110039	
19	Nguyễn Thị Thúy Nga	11B2	110040	
20	Nguyễn Thị Kim Ngân	11B2	110041	
21	Trần Huỳnh Nghi	11B2	110042	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11 - PHÒNG A2.3
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS		Lớp	SBD	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	11B2	110043	
2	Phạm Hồng	Ngọc	11B2	110044	
3	Khuong Xuân Tâm	Nguyên	11B1	110045	
4	Bùi Tuyết	Nhung	11B1	110046	
5	Trương Tiến	Phát	11B2	110047	
6	Phạm Đình	Phong	11B1	110048	
7	Phạm Thanh	Phú	11B2	110049	
8	Nguyễn Hồng	Phúc	11B2	110050	
9	Trần Nguyễn Hoàng	Phúc	11B1	110051	
10	Đặng Nam	Phương	11B2	110052	
11	Dương Bích	Phượng	11B2	110053	
12	Nguyễn Văn	Quang	11B1	110054	
13	Lâm Minh	Quân	11B1	110055	
14	Phạm Thị Ngọc	Quý	11B1	110056	
15	Bùi Nguyễn Bảo	Quốc	11B1	110057	
16	Mai Thị	Quý	11B2	110058	
17	Đỗ Phượng	Quỳnh	11B1	110059	
18	Nguyễn Phạm Thị Như	Quỳnh	11B2	110060	
19	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	11B2	110061	
20	Lê Gia	Thái	11B2	110062	
21	Phạm Lê Kiều	Thanh	11B2	110063	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11 - PHÒNG A2.4
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS		Lớp	SBD	Ghi chú
1	Thạch Thị Kim	Thanh	11B1	110064	.
2	Hồ Thị Thiên	Thảo	11B1	110065	
3	Nguyễn Ngọc	Thảo	11B2	110066	
4	Phan Thị Hoàng	Thu	11B2	110067	
5	Nguyễn Bích	Thùy	11B2	110068	
6	Phạm Thị Thanh	Thùy	11B1	110069	
7	Phạm Thị Anh	Thư	11B2	110070	
8	Phạm Mỹ	Thương	11B1	110071	
9	Phan Thị Cẩm	Tiên	11B1	110072	
10	Trần Thị Cẩm	Tiên	11B1	110073	
11	Nguyễn Văn	Toán	11B1	110074	
12	Nguyễn Thị Quyền	Trang	11B2	110075	
13	Trần Thị Ngọc	Trâm	11B2	110076	
14	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	11B1	110077	
15	Đỗ Huy	Trường	11B1	110078	
16	Nguyễn Thị Thuý	Vân	11B1	110079	
17	Nguyễn Xuân	Vinh	11B1	110080	
18	Bùi Tuấn	Vũ	11B2	110081	
19	Đặng Thị Triệu	Vy	11B2	110082	
20	Thái Nguyễn Tường	Vy	11B2	110083	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11 - PHÒNG A1
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Huỳnh Tuyết Anh	11B7	110084	
2	Nguyễn Ngọc Quế Anh	11B3	110085	
3	Nguyễn Sỹ Tuấn Anh	11B3	110086	
4	Phạm Võ Hoàng Anh	11B3	110087	
5	Châu Gia Bảo	11B4	110088	
6	Huỳnh Thanh Bảo	11B5	110089	
7	Triệu Minh Bằng	11B3	110090	
8	Nguyễn Cao Thái Bình	11B8	110091	
9	Nguyễn Quốc Bình	11B7	110092	
10	Nguyễn Thới Bình	11B8	110093	
11	Thiều Ngọc Bình	11B7	110094	
12	Nguyễn Bình Chánh	11B8	110095	
13	Đỗ Khắc Chiến	11B3	110096	
14	Nguyễn Công Chính	11B8	110097	
15	Nguyễn Thanh Dân	11B7	110098	
16	Trần Thị Tường Di	11B6	110099	
17	Phạm Thị Mỹ Diên	11B5	110100	
18	Huỳnh Thị Thùy Dung	11B7	110101	
19	Lý Mạnh Dũng	11B6	110102	
20	Nguyễn Công Hoàng Dũng	11B3	110103	
21	Lê Đức Duy	11B6	110104	
22	Lê Xuân Duy	11B6	110105	
23	Trương Hoàng Khánh Duy	11B5	110106	
24	Bùi Phạm Thúy Duyên	11B3	110107	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11- PHÒNG A2
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Trần Thị Thùy Duyên	11B4	110108	
2	Đào Thành Đạt	11B4	110109	
3	Huỳnh Thành Đạt	11B4	110110	
4	Lê Trương Tấn Đạt	11B5	110111	
5	Nguyễn Từ Thành Đạt	11B8	110112	
6	Phan Hữu Đạt	11B4	110113	
7	Trần Thành Đạt	11B8	110114	
8	Huỳnh Đức	11B7	110115	
9	Lê Hữu Đức	11B8	110116	
10	Nguyễn Minh Đức	11B4	110117	
11	Hồ Thị Nhật Giao	11B5	110118	
12	Nguyễn Thị Giàu	11B8	110119	
13	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	11B7	110120	
14	Trần Trúc Hà	11B8	110121	
15	Lê Mỹ Hải	11B3	110122	
16	Phạm Phước Hải	11B7	110123	
17	Phan Đức Minh Hải	11B7	110124	
18	Đặng Thị Mỹ Hạnh	11B7	110125	
19	Nguyễn Thế Hào	11B8	110126	
20	Mai Trọng Hân	11B6	110127	
21	Võ Ngọc Hân	11B7	110128	
22	Lê Thị Yến Hậu	11B8	110129	
23	Phạm Thị Thu Hiền	11B5	110130	
24	Trần Thị Ngọc Hiếu	11B4	110131	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11 - PHÒNG A3
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS		Lớp	SBD	Ghi chú
1	Trần Trung	Hiếu	11B7	110132	
2	Nguyễn Ngọc Huy	Hoàng	11B4	110133	
3	Trần Nguyễn Minh	Hoàng	11B5	110134	
4	Châu Khải	Huy	11B8	110135	
5	Đào Phát	Huy	11B4	110136	
6	Đặng Gia	Huy	11B8	110137	
7	Hồ Đình	Huy	11B4	110138	
8	Lê Quốc	Huy	11B5	110139	
9	Lưu Trường	Huy	11B6	110140	
10	Nguyễn Phan	Huy	11B3	110141	
11	Phạm Lê Gia	Huy	11B5	110142	
12	Phạm Ngọc	Huy	11B8	110143	
13	Trần Gia	Huy	11B5	110144	
14	Trương Công	Huy	11B3	110145	
15	Võ Minh	Huy	11B6	110146	
16	Nguyễn Thanh Thanh	Huyền	11B6	110147	
17	Nguyễn Thị	Huyền	11B4	110148	
18	Nguyễn Thị Thuý	Huyền	11B6	110149	
19	Đặng Như	Huỳnh	11B5	110150	
20	Phạm Lê Như	Huỳnh	11B6	110151	
21	Dương Hoài	Hưng	11B7	110152	
22	Trần Văn	Hưng	11B7	110153	
23	Huỳnh Thị Kim	Hương	11B3	110154	
24	Bùi Quang	Khải	11B4	110155	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11 - PHÒNG A1.1
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Trần Quang Khải	11B6	110156	
2	Ngô Trí Khang	11B7	110157	
3	Nguyễn Bảo Khang	11B5	110158	
4	Trương Đoàn Thanh Khang	11B6	110159	
5	Lương Quốc Khánh	11B8	110160	
6	Lại Hữu Khánh	11B5	110161	
7	Nguyễn Văn Khánh	11B7	110162	
8	Trần Minh Ngọc Khánh	11B8	110163	
9	Nguyễn Anh Khoa	11B6	110164	
10	Nguyễn Đăng Khoa	11B8	110165	
11	Nguyễn Trường Khoa	11B6	110166	
12	Trần Lê Đăng Khoa	11B6	110167	
13	Nguyễn Hữu Kiệt	11B4	110168	
14	Trần Trung Kiệt	11B5	110169	
15	Hà Thị Thanh Lan	11B4	110170	
16	Nguyễn Thị Lan	11B3	110171	
17	Lê Vĩnh Tường Lân	11B4	110172	
18	Đỗ Huỳnh Nhã Linh	11B5	110173	
19	Lương Văn Linh	11B6	110174	
20	Nguyễn Thị Ngọc Linh	11B6	110175	
21	Nguyễn Thị Thùy Linh	11B3	110176	
22	Chu Ngọc Long	11B6	110177	
23	Nguyễn Hồ Bảo Long	11B3	110178	
24	Nguyễn Minh Long	11B3	110179	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11 - PHÒNG A1.2
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Nguyễn Phú Lộc	11B4	110180	
2	Nguyễn Tấn Lộc	11B3	110181	
3	Vũ Văn Lợi	11B8	110182	
4	Phan Thị Xuân Mai	11B4	110183	
5	Hồng Mẫn	11B5	110184	
6	Nguyễn Huệ Mẫn	11B6	110185	
7	Nguyễn Văn Minh	11B7	110186	
8	Nguyễn Đỗ Hoàng My	11B3	110187	
9	Nguyễn Thị Trà My	11B4	110188	
10	Nguyễn Thượng Ý Mỹ	11B6	110189	
11	Lê Nguyễn Xuân Nam	11B6	110190	
12	Mai Chí Nam	11B4	110191	
13	Nguyễn Hoàng Hải Nam	11B4	110192	
14	Nguyễn Ngọc Nam	11B3	110193	
15	Dương Mỹ Ngân	11B8	110194	
16	Dương Ngọc Kim Ngân	11B6	110195	
17	Đặng Thị Thanh Ngân	11B8	110196	
18	Hồ Nguyễn Bảo Ngân	11B7	110197	
19	Hùynh Ngọc Thu Ngân	11B7	110198	
20	Lại Ngọc Kim Ngân	11B7	110199	
21	Lê Thị Kim Ngân	11B3	110200	
22	Mai Nguyễn Thu Ngân	11B3	110201	
23	Nguyễn Thị Hồng Ngân	11B5	110202	
24	Nguyễn Thị Kiều Nghi	11B8	110203	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11 - PHÒNG A1.3
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Ngọc	11B8	110204	
2	Nguyễn Thị Ngọc Nguyên	11B5	110205	
3	Phạm Hoàng Nhã	11B3	110206	
4	Trương Văn Nhân	11B5	110207	
5	Khổng Minh Nhật	11B8	110208	
6	Bùi Thị Yên Nhi	11B4	110209	
7	Lê Thị Yên Nhi	11B8	110210	
8	Ngô Dương Bích Nhi	11B3	110211	
9	Nguyễn Phương Nhi	11B7	110212	
10	Trần Lê Yên Nhi	11B5	110213	
11	Tạ Thị Ngọc Nhung	11B3	110214	
12	Đào Nguyễn Quỳnh Như	11B7	110215	
13	Nguyễn Thị Huỳnh Như	11B6	110216	
14	Phan Thị Tuyết Như	11B6	110217	
15	Phạm Nguyễn Kiều Oanh	11B5	110218	
16	Bùi Thịnh Phát	11B7	110219	
17	Nguyễn Đức Phát	11B7	110220	
18	Phan Thành Phát	11B5	110221	
19	Võ Tấn Phát	11B3	110222	
20	Bùi Thế Phú	11B4	110223	
21	Nguyễn Bảo Phúc	11B5	110224	
22	Nguyễn Phú Hoàng Phúc	11B4	110225	
23	Nguyễn Trọng Phúc	11B6	110226	
24	Trần Hoàng Phúc	11B6	110227	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11 - PHÒNG C1
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Văn Vĩnh Phúc	11B4	110228	
2	Đặng Thị Kim Phụng	11B3	110229	
3	Trần Nguyễn Long Tiểu Phụng	11B7	110230	
4	Lữ Văn Phước	11B7	110231	
5	Nguyễn Hữu Phước	11B4	110232	
6	Lại Ngọc Kiều Phương	11B3	110233	
7	Lê Đức Phương	11B6	110234	
8	Nguyễn Thị Phương	11B7	110235	
9	Tô Hoàng Mai Phương	11B8	110236	
10	Đặng Trọng Quang	11B5	110237	
11	Lê Minh Quân	11B7	110238	
12	Phạm Võ Minh Quân	11B3	110239	
13	Trương Hữu Quốc	11B6	110240	
14	Võ Kiến Quốc	11B7	110241	
15	Nguyễn Thị Cẩm Quý	11B5	110242	
16	Nguyễn Huỳnh Thục Quyên	11B5	110243	
17	Văn Thị Thục Quyên	11B7	110244	
18	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	11B5	110245	
19	Phan Như Quỳnh	11B4	110246	
20	Phan Thị Thu Quỳnh	11B8	110247	
21	Nguyễn Nhật San	11B8	110248	
22	Nguyễn Hoàng Sang	11B3	110249	
23	Hồ Hoàng Sơn	11B6	110250	
24	Nguyễn Ngọc Sương	11B8	110251	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11 - PHÒNG C2
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Tài	11B8	110252	
2	Võ Công Tài	11B3	110253	
3	Võ Tấn Tài	11B7	110254	
4	Bùi Thanh Tâm	11B8	110255	
5	Đặng Minh Tâm	11B3	110256	
6	Lê Thị Mỹ Tâm	11B7	110257	
7	Ngô Thành Tâm	11B8	110258	
8	Đinh Thanh Tân	11B3	110259	
9	Nguyễn Minh Tân	11B6	110260	
10	Bùi Quốc Thái	11B3	110261	
11	Bùi Quốc Thái	11B4	110262	
12	Lê Phan Thanh Thảo	11B4	110263	
13	Lê Hằng Thanh Thảo	11B8	110264	
14	Trần Thị Thanh Thảo	11B5	110265	
15	Lê Thế Thắng	11B5	110266	
16	Nguyễn Quốc Thắng	11B3	110267	
17	Chung Nhất Thiên	11B7	110268	
18	Lê Thanh Thiên	11B5	110269	
19	Phan Trí Thiện	11B6	110270	
20	Đỗ Ngọc Hưng Thịnh	11B6	110271	
21	Lê Phúc Thịnh	11B7	110272	
22	Phạm Phát Thịnh	11B8	110273	
23	Tô Xuân Thịnh	11B3	110274	
24	Trần Thị Kim Thoa	11B4	110275	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11 - PHÒNG C3
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS		Lớp	SBD	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	Thôi	11B4	110276	
2	Nguyễn Bùi Hưng	Thuận	11B6	110277	
3	Nguyễn Minh	Thuận	11B4	110278	
4	Nguyễn Minh	Thuận	11B6	110279	
5	Nguyễn Lê Ngọc	Thúy	11B5	110280	
6	Phạm Anh	Thư	11B6	110281	
7	Khuru Ngọc	Tiên	11B5	110282	
8	Nguyễn Nhật	Tiên	11B6	110283	
9	Nguyễn Quyết	Tiến	11B6	110284	
10	Trần Minh	Tiến	11B5	110285	
11	Lê Trọng	Tín	11B4	110286	
12	Lý Trung	Tín	11B4	110287	
13	Lê Phúc	Tính	11B8	110288	
14	Hồ Duy	Toàn	11B7	110289	
15	Nguyễn Hoàng	Toàn	11B7	110290	
16	Phùng Minh	Toàn	11B4	110291	
17	Trần Văn	Toàn	11B3	110292	
18	Lê Thị Thùy	Trang	11B7	110293	
19	Nguyễn Thị Kiều	Trang	11B3	110294	
20	Cao Thị Ngọc	Trâm	11B4	110295	
21	Bùi Đỗ Bảo	Trân	11B6	110296	
22	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	11B6	110297	
23	Nguyễn Quế	Trân	11B5	110298	
24	Nguyễn Thiết Bảo	Trân	11B4	110299	

DANH SÁCH HỌC SINH THI HỌC KỲ I - KHỐI 11 - PHÒNG C4
NĂM HỌC 2019-2020

STT	HỌ VÀ TÊN HS	Lớp	SBD	Ghi chú
1	Phạm Ngọc Bảo Trân	11B5	110300	
2	Nguyễn Thành Trí	11B4	110301	
3	Nguyễn Minh Triền	11B3	110302	
4	Hồ Ngọc Trinh	11B3	110303	
5	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	11B5	110304	
6	Huỳnh Ngọc Trúc	11B8	110305	
7	Trần Thanh Trúc	11B8	110306	
8	Nguyễn Thị Cẩm Tú	11B5	110307	
9	Trương Thụy Khả Tú	11B8	110308	
10	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	11B3	110309	
11	Lê Diệp Minh Tuyền	11B8	110310	
12	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	11B4	110311	
13	Lê Thanh Tuyền	11B3	110312	
14	Bùi Thị Mỹ Uyên	11B4	110313	
15	Ngô Thị Mai Uyên	11B8	110314	
16	Cao Hồng Vân	11B5	110315	
17	Nguyễn Thị Yên Vi	11B5	110316	
18	Hồ Văn Quốc Vinh	11B8	110317	
19	Nguyễn Đặng Tường Vy	11B3	110318	
20	Nguyễn Hạnh Vy	11B7	110319	
21	Đào Vĩnh Xương	11B7	110320	
22	Đào Nguyễn Hoàng Yên	11B5	110321	